TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N B** **TỈNH N B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2021/QĐST-HNGĐ	*TPN B, ngày 03 tháng 03 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 285/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị Mỹ Tr, sinh năm 1996.

ĐKNKTT: số nhà 47, đường Hoàng Hoa Thám, phố Th S, phường Th B, thành phố N B, tỉnh N B .

Chỗ ở: số nhà 33, ngõ 88, đường Lê Th T, phường T Th, thành phố N B, tỉnh N B.

- Bị đơn: anh Trương Công H, sinh năm 1992.

ĐKNKTT và chỗ ở : số nhà 47, đường H H Th, phố Th S, phường Thanh Bình, thành phố N B, tỉnh N B .

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và

hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trần Thị Mỹ Tr và anh Trương Công H .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về con chung:

Giao cho chị Trần Thị Mỹ Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trương Bảo A, sinh ngày 31/01/2019 và cháu Trương Huyền A, sinh ngày 30/7/2020; cho đến khi cháu Trương Bảo A và cháu Trương Huyền A đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho con: anh Trương Công H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo phương thức định kỳ hàng tháng là 5.000.000 đồng/1 tháng/ 2 cháu, kể từ tháng 03 năm 2021 cho đến khi các cháu Bảo A và Huyền A đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Trương Công H được quyền đi lại thăm nom con chung. Không ai được quyền ngăn cản anh H thực hiện quyền này. Khi cần, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2.Về tài sản chung, công nợ chung:

Chị Trần Thị Mỹ Tr và anh Trương Công H không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí sơ thẩm:

Chị Trần Thị Mỹ Tr nhận nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0001746 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Chị Trần Thị Mỹ Tr đã nộp đủ án phí .

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh N B;
- Viện kiểm sát nhân dân TP N B;
- Chi cục THADS TP N B;
- UBND phường N Ph, TPNB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Dương Thị Phương